

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp.

Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 707/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu B, tổ E, ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Phi Hải V, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu B, tổ E, ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2022 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Phi Hải V chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày

02/10/2007. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị tuy vẫn sống chung một nhà nhưng việc ai nấy làm, không ai quan tâm chăm sóc ai. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc với nhau nhưng không đạt được kết quả. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Phi Hải V1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Tố Q, sinh ngày 12/01/1996 và Phạm Phi Hải Q1, sinh ngày 21/6/1997. Hiện nay hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Phi Hải V đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị S và anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày 02/10/2007. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau.

Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn này xin Tòa án cho chị S được ly hôn với anh V.

Do chị S và anh V kết hôn vào năm 2007, khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, 11 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Tố Q, sinh ngày 12/01/1996 và Phạm Phi Hải Q1, sinh ngày 21/6/1997. Hiện nay hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Phi Hải V đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh V.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Phạm Phi Hải V có địa chỉ thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Phạm Phi Hải V thì thấy rằng: Chị S, anh V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày 02/10/2007 nên xác định hôn nhân giữa chị S và anh V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vợ chồng chị tuy vẫn sống chung một nhà nhưng việc ai nấy làm, không ai quan tâm chăm sóc ai. Anh chị đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, chứng tỏ việc anh V bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn xây dựng gia đình. Xét thấy, vợ chồng chị S, anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S, xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Phạm Phi Hải V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Tố Q, sinh ngày 12/01/1996 và Phạm Phi Hải Q1, sinh ngày 21/6/1997. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị S là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Phạm Phi Hải V. Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Phạm Phi Hải V.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008519 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị song đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị S và anh Phạm Phi Hải V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. N;
- VKSND H. N;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Phước;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài